TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 02- 2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Kiều Công Ích và ông Phùng Văn Thị

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 132/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023; Quyết hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Bình D, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu H, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

- Bị đơn: Chị Lưu Thị Thanh N, sinh năm 2000

Địa chỉ: Khu H, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Nơi cư trú hiện tại: Khu G, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

(chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Vũ Bình D trình bày:

Anh Vũ Bình D và chị Lưu Thị Thanh N tự nguyện đăng ký kết kết hôn ngày 07/10/2019 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian ngắn thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống bế tắc, không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn căng thẳng kể từ sau khi chị N sinh con.

Kể từ tháng 10/2021 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là cháu Vũ Trần Khánh V, sinh ngày 31/8/2021. Kể từ khi cháu được hơn một tháng tuổi, chị N đã bỏ đi, anh và gia đình trực tiếp nuôi cháu V cho đến nay. Khi ly hôn, anh D xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V, không đề nghị chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho anh Vũ Bình D được ly hôn chị Lưu Thị Thanh N

+ Về con chung: Đề nghị giao anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Trần Khánh V, sinh ngày 31/8/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh D không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, công nợ, công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Anh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa anh Vũ Bình D và chị Lưu Thị Thanh N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị N có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa (không có đơn xét xử vắng mặt), HĐXX căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị N là phù hợp pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh D và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 17/10/2019 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D và chị N có bất đồng quan điểm sống. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ xã Đ cho biết: quá trình anh D và chị N xảy ra mâu thuẫn và xin ly hôn, chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở. Chị N không còn ở chung với anh D tại địa phương. Nay anh D xin ly hôn chị N, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng chị N không đến Tòa án để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải và lấy ý kiến quan điểm của chị N về hôn nhân gia đình. Hiện anh D và chị N đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa anh D và chị N không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho anh D được ly hôn chị N là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung:

Anh D và chị N có 01 con chung là cháu Vũ Trần Khánh V, sinh ngày 31/8/2021. Anh D có quan điểm xin được trực tiếp nuôi con. Chị N chưa có quan điểm gì về việc nuôi con chung. Mặc dù cháu V hiện nay dưới 36 tháng tuổi nhưng cháu V đang sinh sống cùng gia đình anh D, do gia đình anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ. Chị N hiện nay không sinh sống cùng gia đình anh, không trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích của trẻ em cũng như đảm bảo cho cháu V được chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển

ổn định tốt nhất, xét nên giao cháu V cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh D không có yêu cầu. Nếu sau này các bên có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con và có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ việc khác.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, ruộng đất nông nghiệp: anh D không đề nghị giải quyết; Chị N không có quan điểm trình bày, vì vậy HĐXX tách các nội dung trên không xem xét trong vụ án này, nếu các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác.

[3] Về án phí: Anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Bình D được ly hôn chị Lưu Thị Thanh N.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Vũ Bình D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Trần Khánh V, sinh ngày 31/8/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D do anh D không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Anh Vũ Bình D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001807 ngày 25/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Anh D có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị N vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND xã Đại An.
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thanh Loan